

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh – Cán bộ hưu trí.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên– Hội liên hiệp phụ nữ thành phố B.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thành Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Trương Tùng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1960/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: khu phố 7, phường TB, thành phố B, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Ông **Đào Huy C**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: khu phố 12, phường HN, thành phố B, tỉnh Đ.

(Bà H, ông C xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông C tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn, hôn nhân là tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, ngày càng trầm trọng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và lối sống. Vợ chồng bà cũng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông C nên xin được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đào Huy T, sinh ngày 20/12/2015. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, tạm thời bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn ông C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn, hôn nhân là tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, ngày càng trầm trọng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và lối sống. Vợ chồng ông cũng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Nay bà H làm đơn xin ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đào Huy T, sinh ngày 20/12/2015. Ly hôn, ông đồng ý để bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn thực hiện không đúng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà H. Về con chung: Giao cháu Đào Huy T, sinh ngày 20/12/2015 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết. Bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Bà Phạm Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Đào Huy C, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào Huy T, sinh ngày 20/12/2015. Căn cứ vào Điều 28, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp ly hôn*”; Bà Phạm Thị H là nguyên đơn, ông Đào Huy C là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị H nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Đào Huy C, hiện đang cư trú tại 29B/84, khu phố 12, phường Hồ Nai, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà H, ông C đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Đào Huy C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân phường Tân Biên, thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 156/KH ngày 16/6/2014 nên áp dụng Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân chủ yếu là vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và lối sống. Nay bà H xét thấy tình cảm với ông C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, ông C đã thừa nhận nguyên nhân chính dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do ông không có trách nhiệm với gia đình, đam mê các thú vui riêng từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, ông đề nghị bà H cho cơ hội tự sửa chữa trong thời gian 1 tháng nếu quá thời hạn trên mà bà H vẫn cương quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn với bà H. Tuy nhiên, đã quá thời hạn trên qua làm việc với bà H thì bà vẫn cương quyết ly hôn nên ông C cũng đồng ý ly hôn, đây là sự tự nguyện của các bên và không trái quy định của pháp luật Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Thành.

[5] Về con chung: Có 01 chung là cháu Đào Huy T, sinh ngày 20/12/2015, hiện bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn hai bên thống nhất thỏa thuận giao cháu Thiên cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của các bên và không trái quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Theo bà H, ông C trình bày để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết

[7] Về nợ chung: Theo bà H, ông C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết

[8] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H. Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Đào Huy C.

2. Về con chung: Giao cháu Đào Huy T, sinh ngày 20/12/2015 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông C không cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0006677 ngày 22/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân TP. B
- UBND phường (xã) nơi ĐKKH;
- Lưu HS, VP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh Xuân

2. Về con chung: Giao cháu Dương Thị Ngọc Yến, sinh ngày 20/11/2003 cho của bà Đặng Thị Nhã trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông Hùng không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Dương Ngọc Tuấn đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Hùng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Đặng Thị Nhã phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 009841 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA